

**HIỆP ĐỊNH GIỮA CHÍNH PHỦ  
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ  
CỘNG HOÀ ẤN ĐỘ VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ**

Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Ấn Độ dưới đây gọi là các "Bên ký kết";

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy hơn nữa đầu tư của các nhà đầu tư của quốc gia này trên lãnh thổ của quốc gia kia;

Nhận thấy rằng sự khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau theo Hiệp định quốc tế sẽ thúc đẩy sáng kiến kinh doanh cá nhân và đẩy mạnh sự phồn thịnh của hai quốc gia;

Đã thoả thuận như sau:

**Điều 1  
Định nghĩa**

Với mục đích của Hiệp định này:

(a) "Công ty" có nghĩa là:

(i) về phía Việt Nam: các công ty, hãng, hiệp hội được thành lập hoặc được xác lập hoặc được thiết lập theo luật hiện hành trên bất kỳ vùng nào của Việt Nam;

(ii) về phía Ấn Độ: các công ty, hãng, hiệp hội được thành lập hoặc được xác lập hoặc được thiết lập theo luật hiện hành trên bất kỳ vùng nào của Ấn Độ;

(b) "Đầu tư" có nghĩa là tất cả các loại tài sản được tạo ra hoặc có được, bao gồm cả những thay đổi về hình thức của đầu tư đó, phù hợp với luật quốc gia của Bên ký kết mà trên lãnh thổ của Bên ký kết đó đầu tư được thực hiện và cụ thể nhưng không chỉ bao gồm:

(i) Động sản và bất động sản cũng như các quyền khác như thế chấp, cầm cố hoặc thế nợ;

(ii) Cổ phần, chứng khoán và giấy ghi nợ của công ty và bất kỳ các hình thức tương tự nào khác tham gia vào công ty;

(iii) Quyền về tiền hoặc bất cứ việc thực hiện nào theo hợp đồng có giá trị tài chính;

(iv) Quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với pháp luật liên quan của Bên ký kết;

(v) Tò nhượng kinh doanh theo luật hoặc theo hợp đồng, bao gồm tò nhượng về tìm kiếm và chế biến dầu và các khoáng sản khác;

(c) "Nhà đầu tư" có nghĩa bất kỳ công dân hoặc công ty nào của Bên ký kết;

(d) "Công dân" có nghĩa là:

(i) về phía Việt Nam: bất kỳ thể nhân nào có quốc tịch Việt Nam theo pháp luật Việt Nam;

(ii) về phía Ấn Độ: những người theo luật hiện hành của Ấn Độ có địa vị là công dân Ấn Độ;

(e) "Thu nhập" có nghĩa là những khoản tiền thu được từ đầu tư như là lợi nhuận, lãi, lợi tức từ vốn, cổ tức, tiền bản quyền và phí;

(f) "Lãnh thổ" có nghĩa là:

(i) về phía Việt Nam: lãnh thổ của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế mà ở đó Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền hoặc có quyền tài phán đặc biệt phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam và pháp luật quốc tế.

(ii) về phía Ấn Độ: Lãnh thổ Cộng hoà Ấn Độ bao gồm vùng lãnh hải và không phận trên đó và các vùng biển khác bao gồm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa mà ở đó Cộng hoà Ấn Độ có chủ quyền, quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán đặc biệt phù hợp với pháp luật hiện hành, Công ước của Liên hợp quốc 1982 về Luật Biển và Luật pháp quốc tế.

## Điều 2

### Phạm vi Hiệp định

Hiệp định này sẽ áp dụng đối với tất cả các đầu tư được thực hiện bởi các nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia,

mà những đầu tư đó được chấp nhận phù hợp với pháp luật và những quy định của Bên ký kết đó, bất kể những đầu tư đó được thực hiện trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

### **Điều 3**

#### **Khuyến khích và bảo hộ đầu tư**

(1) Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích và tạo những điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia tiến hành đầu tư trên lãnh thổ của mình và tiếp nhận những đầu tư đó phù hợp với pháp luật và chính sách của mình;

(2) Những đầu tư và thu nhập của các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết luôn luôn được đối xử công bằng và thoả đáng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

### **Điều 4**

#### **Đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc**

(1) Mỗi Bên ký kết phù hợp với luật và quy định của mình sẽ dành cho những đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho những đầu tư của nhà đầu tư nước mình hoặc những đầu tư của các nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

(2) Ngoài ra, mỗi Bên ký kết sẽ dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, bao gồm đối với các thu nhập từ những đầu tư của họ sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

(3) Những quy định của khoản 1 và 2 trên đây sẽ không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư Bên ký kết kia những lợi ích của bất kỳ sự đối xử nào, ưu đãi hoặc đặc quyền từ:

(a) bất kỳ liên minh thuế quan nào đang tồn tại hoặc được thiết lập trong tương lai hoặc hiệp định quốc tế tương tự mà Bên ký kết đó đang hoặc có thể trở thành thành viên, hoặc

(b) bất kỳ vấn đề nào liên quan tới toàn bộ hoặc chủ yếu về thuế.

## **Điều 5**

### **Tước đoạt quyền sở hữu**

(1) Những đầu tư của các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết, sẽ không bị quốc hữu hoá, bị tước đoạt hoặc bị áp dụng những biện pháp có hậu quả tương tự như quốc hữu hoá hoặc tước đoạt quyền sở hữu (dưới đây gọi là tước đoạt quyền sở hữu) trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trừ trường hợp vì mục đích công cộng, phù hợp với pháp luật, trên cơ sở không phân biệt đối xử và được đền bù công bằng và thoả đáng. Khoản đền bù đó là giá trị thực tế của đầu tư bị tước đoạt ngay trước khi tước đoạt quyền sở hữu hoặc trước khi việc tước đoạt quyền sở hữu được công bố tùy theo việc nào được thực hiện sớm hơn sẽ bao gồm cả lãi suất theo một tỷ giá công bằng và thoả đáng cho đến ngày trả, và được thực hiện không chậm trễ, có hiệu quả và được tự do chuyển ra nước ngoài.

(2) Nhà đầu tư có quyền, theo pháp luật của Bên ký kết tiến hành việc tước đoạt quyền sở hữu, yêu cầu cơ quan tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền độc lập khác của Bên ký kết đó xem xét lại trường hợp của họ hoặc về giá trị đầu tư cho phù hợp với các quy định của điều này. Bên ký kết tiến hành việc tước đoạt quyền sở hữu cần phải nỗ lực để việc xem xét được thực hiện nhanh chóng.

(3) Bên ký kết tước đoạt tài sản của công ty được thành lập hoặc thiết lập theo pháp luật hiện hành tại bất kỳ vùng nào của lãnh thổ nước mình, mà ở đó các nhà đầu tư của Bên ký kết kia có cổ phần, Bên ký kết đó sẽ bảo đảm rằng các quy định ở khoản 1 của điều này được áp dụng trong phạm vi cần thiết để bảo đảm đền bù một cách công bằng và thoả đáng đối với đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia là chủ sở hữu các cổ phần đó.

## **Điều 6**

### **Đền bù tổn thất**

Các nhà đầu tư của một Bên ký kết có đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia bị tổn thất do chiến tranh, hoặc xung đột vũ trang khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia hoặc những bạo động trên lãnh thổ của Bên ký kết đó sẽ được Bên ký kết đó dành cho sự đối xử về việc bồi hoàn, bồi thường, đền bù hoặc biện pháp giải quyết khác không kém thuận lợi hơn so với đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư của nước mình hoặc cho nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào. Các khoản chi trả sẽ được tự do chuyển ra nước ngoài.

## **Điều 7**

### **Việc chuyển đầu tư và lợi nhuận**

(1) Mỗi Bên ký kết cho phép tất cả các khoản tiền liên quan đến đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình được tự do chuyển, không chậm trễ và trên cơ sở không phân biệt đối xử. Những khoản tiền này có thể gồm:

(a) vốn và những khoản vốn bổ sung dùng để duy trì và phát triển đầu tư;

(b) lợi tức ròng bao gồm cổ tức và lãi tương ứng với cổ phần đóng góp của họ;

(c) các khoản thanh toán của bất kỳ khoản vay nào, bao gồm cả lãi vay liên quan đến đầu tư;

(d) các khoản trả cho bản quyền và các phí dịch vụ liên quan đến đầu tư;

(e) các khoản thu từ việc bán cổ phần của họ;

(f) các khoản thu được của nhà đầu tư trong trường hợp bán hoặc bán một phần hoặc thanh lý;

(g) Thu nhập của công dân của một Bên ký kết làm việc liên quan đến đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

(2) Khoản 1 của Điều này sẽ không ảnh hưởng đến việc chuyển bất kỳ sự đền bù nào theo Điều 6 của Hiệp định này.

(3) Nếu không có sự thỏa thuận nào khác giữa các bên, việc chuyển tiền theo khoản 1 của Điều này, được phép dùng đồng tiền của đầu tư ban đầu hoặc bất cứ đồng tiền tự do chuyển đổi nào khác. Việc chuyển đó sẽ được thực hiện theo tỷ giá thị trường thịnh hành vào ngày chuyển.

## **Điều 8**

### **Thế quyền**

Khi một Bên ký kết hoặc cơ quan được uỷ quyền của Bên ký kết bảo đảm về bất kỳ khoản tiền bồi thường đối với những rủi ro phi thương mại liên quan đến một đầu tư của bất kỳ nhà đầu tư nào của Bên ký kết đó trên lãnh thổ của Bên ký kết kia và đã thanh toán cho nhà đầu tư đó liên quan đến khiếu nại của họ theo Hiệp định này, thì bên ký kết kia đồng ý

rằng Bên ký kết thứ nhất hoặc cơ quan được uỷ quyền theo sự thể quyền thực hiện các quyền và thực hiện những khiếu nại của các nhà đầu tư đó. Quyền hoặc khiếu nại được thể quyền không vượt quá các quyền hoặc khiếu nại ban đầu của các nhà đầu tư đó.

## Điều 9

### Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và một Bên ký kết

(1) Bất kỳ tranh chấp nào giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết và Bên ký kết kia liên quan đến đầu tư của các nhà đầu tư theo Hiệp định này sẽ được giải quyết trong chừng mực có thể thông qua thương lượng giữa các Bên tranh chấp.

(2) Nếu vụ tranh chấp đó không giải quyết được bằng thương lượng trong thời gian 6 tháng và nếu cả hai Bên tranh chấp nhất trí, vụ tranh chấp sẽ đưa ra:

(a) để giải quyết phù hợp với pháp luật của Bên ký đã tiếp nhận đầu tư tại cơ quan tư pháp hoặc cơ quan hành chính có thẩm quyền của Bên ký kết đó; hoặc

(b) hoà giải quốc tế theo các quy tắc hoà giải của Uỷ ban Liên hiệp quốc về Luật Thương mại Quốc tế.

(3) Nếu các Bên không thoả thuận được thủ tục giải quyết tranh chấp theo quy định của khoản 2 Điều này hoặc vụ tranh chấp được đưa ra để hoà giải, nhưng việc hoà giải không đạt được thì vụ tranh chấp được đưa ra Trọng tài. Thủ tục Trọng tài sẽ như sau:

(a) nếu Bên ký kết của nhà đầu tư và Bên ký kết kia là thành viên của Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa một quốc gia và công dân của quốc gia khác, năm 1965 và nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản đưa tranh chấp ra Trung tâm quốc tế về giải quyết các tranh chấp đầu tư, thì vụ tranh chấp đó sẽ được đưa ra Trung tâm; hoặc

(b) nếu cả hai bên nhất trí thì giải quyết theo các biện pháp bổ sung về thực hiện hoà giải, Trọng tài và điều tra thực tế; hoặc

(c) đưa tranh chấp ra trọng tài adhoc phù hợp với Quy tắc trọng tài của Uỷ ban Luật Thương mại Quốc tế của Liên hợp quốc 1976, với sự sửa đổi như sau:

(i) Người có thẩm quyền chỉ định theo Điều 7 của Quy tắc là Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án Quốc tế

mà không phải là công dân của một trong hai Bên ký kết. Vị trọng tài thứ ba không phải là công dân của một trong hai Bên ký kết.

(ii) Các bên sẽ chỉ định trọng tài của mình trong vòng hai tháng.

(iii) Phán quyết của trọng tài được thực hiện phù hợp với các quy định của Hiệp định này.

(iv) Toà án trọng tài sẽ tuyên bố cơ sở quyết định của mình và đưa ra lý lẽ theo yêu cầu của mỗi bên.

### **Điều 10**

#### **Giải quyết tranh chấp giữa các Bên ký kết**

(1) Tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, trong chừng mực có thể được giải quyết thông qua thương lượng.

(2) Nếu tranh chấp giữa các Bên ký kết không giải quyết được theo cách đó trong vòng 6 tháng kể từ khi tranh chấp phát sinh ra theo đề nghị của một trong hai Bên ký kết vụ tranh chấp được đưa ra toà án trọng tài.

(3) Toà án trọng tài sẽ được thành lập cho từng trường hợp cụ thể theo cách sau đây: Trong vòng hai tháng kể từ khi nhận được yêu cầu giải quyết trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của trọng tài. Hai thành viên đó sẽ chọn một công dân của Quốc gia thứ ba được hai Bên ký kết chấp thuận làm Chủ tịch Trọng tài. Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng kể từ ngày hai thành viên kia được chỉ định.

(4) Nếu trong thời hạn nêu tại khoản 3 của điều này, các chỉ định cần thiết không được thực hiện, một trong hai Bên ký kết có thể, nếu không có sự thoả thuận nào khác mời Chủ tịch Toà án quốc tế tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Toà án quốc tế là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc nếu vì lý do nào khác không thể thực hiện được chức năng nói trên thì Phó Chủ tịch Toà án quốc tế sẽ được mời để thực hiện sự chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch là công dân của một trong hai bên ký kết hoặc nếu ông ta cũng không thực hiện được chức năng nói trên thì thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án quốc tế không phải là công dân của một trong hai Bên ký kết sẽ được mời để thực hiện sự chỉ định cần thiết.

(5) Toà án trọng tài sẽ quyết định theo nguyên tắc biểu quyết đa số. Quyết định của Trọng tài là bắt buộc đối với cả hai Bên ký kết. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho thành viên trọng tài của mình và việc đại diện

trong quá trình tố tụng; chi phí cho Chủ tịch và những chi phí còn lại do hai Bên ký kết chịu bằng nhau. Tuy nhiên trong quyết định của Trọng tài có thể quyết định một trong hai bên ký kết phải chịu phần chi phí cao hơn và sự phán quyết này là bắt buộc đối với cả hai Bên ký kết. Trọng tài sẽ quy định thủ tục riêng của mình.

### **Điều 11**

#### **Nhập cảnh và cư trú của nhân viên**

Một Bên ký kết phù hợp với luật áp dụng trong từng thời kỳ liên quan tới sự nhập cảnh và cư trú của người không phải là công dân của nước đó, cho phép những thể nhân của Bên ký kết kia và nhân viên làm việc tại các công ty của bên ký kết kia tham gia hoặc cư trú trên lãnh thổ của Bên ký kết đó với mục đích thực hiện những hoạt động liên quan đến đầu tư.

### **Điều 12**

#### **Luật áp dụng**

(1) Trừ những quy định khác được qui định trong Hiệp định này, tất cả các đầu tư phải tuân theo pháp luật hiện hành trên lãnh thổ của Bên ký kết mà ở đó các đầu tư được thực hiện.

(2) Khoản 1 của điều này không có nghĩa là Hiệp định này ngăn cản Bên ký kết tiếp nhận đầu tư thực hiện các biện pháp để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu hoặc trong các tình huống khẩn cấp phù hợp với pháp luật nước mình được áp dụng một cách bình thường và hợp lý trên cơ sở không phân biệt đối xử.

### **Điều 13**

#### **Áp dụng các quy định khác**

Nếu những quy định của pháp luật của một Bên ký kết hoặc những nghĩa vụ theo luật pháp quốc tế đang được áp dụng hoặc được thiết lập sau này giữa các Bên ký kết có những quy định khác với Hiệp định này, dù là qui định chung hay cụ thể, dành cho các đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia một sự đối xử thuận lợi hơn quy định của Hiệp định này thì những quy định đó sẽ được áp dụng.

## **Điều 14** **Hiệu lực**

Hiệp định này sẽ phải được phê duyệt và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi các văn bản phê duyệt.

## **Điều 15** **Thời hạn và chấm dứt hiệu lực**

(1) Hiệp định này có hiệu lực trong thời gian 10 năm và sau đó được mặc nhiên gia hạn thêm trừ khi một trong hai Bên ký kết thông báo cho bên ký kết kia bằng văn bản về ý định chấm dứt Hiệp định. Hiệp định này sẽ hết hiệu lực sau 1 năm kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản đó.

(2) Mặc dù Hiệp định chấm dứt theo khoản 1 của điều này, Hiệp định sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực đối với các đầu tư được thực hiện hoặc có được trước ngày chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này trong thời hạn 15 năm tiếp theo kể từ ngày hết hiệu lực của Hiệp định.

Để chứng thực cho những điều thoả thuận trên, những người ký tên được uỷ quyền hợp lệ của Chính phủ của mình đã ký Hiệp định này.

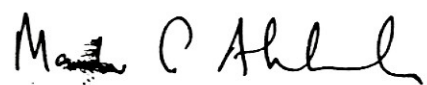
Hiệp định này làm tại Niw Đê-li ngày 08 tháng 3 năm 1997 thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Hindi và tiếng Anh. Tất cả các bản đều có giá trị ngang nhau.

Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
CỘNG HOÀ ẤN ĐỘ



**AGREEMENT**  
**BETWEEN THE**  
**THE GOVERNMENT OF**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**AND**  
**THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF INDIA**  
**FOR THE PROMOTION AND PROTECTION**  
**OF INVESTMENTS**

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of India (hereinafter referred to as the "Contracting Party");

Desiring to create conditions favourable for fostering greater investment by investors of one State in the territory of the other State;

Recognising that the encouragement and reciprocal protection under international agreement of such investment will be conducive to the stimulation of individual business initiative and will increase prosperity in both States;

Have agreed as follows:

**ARTICLE I**

**Definitions**

For the purposes of this Agreement:

(a) "Companies" means:

(i) In respect of India: Corporations, firms and associations incorporated or constituted or established under the law in force in any part of India;

(ii) In respect of Vietnam: Corporations, firms and associations incorporated or constituted or established under the law in force in any part of Vietnam.

(b) "Investment" means every kind of asset established or acquired, including changes in the form of such investment, in accordance with the national laws of the Contracting Party in whose territory the investment is made and in particular, though not exclusively, includes:

(i) movable and immovable property as well as other rights such as mortgages, liens or pledges;

(ii) shares in and stock and debentures of a company and any other similar forms of participation in a company;

(iii) rights to money or to any performance under contract having a financial value;

(iv) intellectual property rights in accordance with the relevant laws of the respective Contracting Party;

(v) business concessions conferred by law or under contract, including concessions to search for and extract oil and other minerals;

(c) "investors" means any national or company of a Contracting Party.

(d) "nationals" means:

(i) in respect of India: persons deriving their status as Indian nationals from the law in force in India;

(ii) in respect of Vietnam: any natural person having the nationality of Vietnam in accordance with its laws;

(e) "returns" means the monetary amounts yielded by an investment such as profit, interest, capital gains, dividends, royalties and fees;

(f) "territory" means:

(i) in respect of India: the territory of the Republic of India including its territorial waters and the airspace above it and other maritime zones including the Exclusive Economic Zone and continental shelf over which the Republic of India has sovereignty, sovereign rights or exclusive jurisdiction in accordance with its laws in force, the 1982 United Nations Convention on the Law of the Sea and International Law.

(ii) in respect of Vietnam: the territory of the Socialist Republic of Vietnam including the territorial sea and the economic exclusive zone over which the Socialist Republic of Vietnam has sovereignty, sovereign rights or exclusive jurisdiction in accordance with its laws in force and international law.

## ARTICLE 2

### Scope of the Agreement

This Agreement shall apply to all investments made by investors of either Contracting Party in the territory of the other Contracting Party, accepted as such in accordance with its laws and regulations, whether made before or after the coming into force of this Agreement.

## ARTICLE 3

### Promotion and Protection of Investment

(1) Each Contracting Party shall encourage and create favourable conditions for investors of the other Contracting Party to make investments in its territory, and admit such investments in accordance with its laws and policy.

(2) Investments and returns of investors of each Contracting Party shall at all times be accorded fair and equitable treatment in the territory of the other Contracting Party.

## ARTICLE 4

### National Treatment and Most-Favoured-Nation Treatment

(1) Each Contracting Party shall accord in accordance with its laws and regulations to investments of investors of the other Contracting Party, treatment which shall not be less favourable than that accorded either to investments of its own investors or to investments of investor of any third State.

(2) In addition, each Contracting Party shall accord to investors of the other Contracting Party, including in respect of returns on their investments, treatment which shall not be less favourable than that accorded to investors of any third State.

(3) The provisions of paragraphs (1) and (2) above shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other the benefit of any treatment, preference or privilege resulting from:

(a) any existing or future customs union or similar international agreement to which it is or may become a party, or

(b) any matter pertaining wholly or mainly to taxation.

## ARTICLE 5

### Expropriation

(1) Investments of investors of either Contracting Party shall not be nationalised, expropriated or subjected to measures having effect equivalent to nationalisation or expropriation (hereinafter referred to as "expropriation") in the territory of the other Contracting Party except for a public purpose in accordance with law on a non-discriminatory basis and against fair and equitable compensation. Such compensation shall amount to the genuine value of the investment expropriated immediately before the expropriation or before the impending expropriation became public knowledge, whichever is the earlier, shall include interest at a fair and equitable rate until the date of payment, shall be made without unreasonable delay, be effectively realizable and be freely transferable.

(2) The investor affected shall have right, under the law of the Contracting Party making the expropriation, to review, by a judicial or other independent authority of that Party, of his or its case and of the valuation of his or its investment in accordance with the principles set out in this paragraph. The Contracting Party making the expropriation shall make every endeavour to ensure that such review is carried out promptly.

(3) Where a Contracting Party expropriates the assets of a company which is incorporated or constituted under the law in force in any part of its own territory, and in which investors of the other Contracting Party own shares, it shall ensure that the provisions of paragraph(1) of this Article are applied to the extent necessary to ensure fair and equitable compensation in respect of their investment to such investors of the other Contracting Party who are owners of those shares.

## ARTICLE 6

### Compensation for Losses

Investors of one Contracting Party whose investments in the territory of the other Contracting Party suffer losses owing to war or other armed conflict, a state of national emergency or civil disturbances in the territory of the latter Contracting Party shall be accorded by the latter Contracting Party treatment, as regards restitution, indemnification, compensation or other settlement, no less favourable than that which the latter Contracting Party accords to its own investors or to investors of any third State. Resulting payments shall be freely transferable.

-5-  
**ARTICLE 7**

**Repatriation of Investment and Returns**

(1) Each Contracting Party shall permit all funds of an investor of the other Contracting Party related to an investment in its territory to be freely transferred, without unreasonable delay and on a non-discriminatory basis. Such funds may include:

(a) Capital and additional capital amounts used to maintain and increase investments;

(b) Net operating profits including dividends and interest in proportion to their share-holdings;

(c) Repayments of any loan, including interest thereon, relating to the investment;

(d) Payment of royalties and services fees relating to the investment;

(e) Proceeds from sales of their shares;

(f) Proceeds received by investors in case of sale or partial sale or liquidation;

(g) The earnings of citizens/nationals of one Contracting Party who work in connection with investment in the territory of the other Contracting Party.

(2) Nothing in paragraph (1) of this Article shall affect the transfer of any compensation under Article 8 of this Agreement.

(3) Unless otherwise agreed to between the parties, currency transfer under paragraph 1 of this Article shall be permitted in the currency of the original investment or any other convertible currency. Such transfer shall be made at the prevailing market rate of exchange on the date of transfer.

**ARTICLE 8**

**Subrogation**

Where one Contracting Party or its designated agency has guaranteed any indemnity against non-commercial risks in respect of an investment by any of its investors in the territory of the other Contracting Party and has made payment to such investors in respect of their claims under this Agreement, the other Contracting Party agrees that the first Contracting Party or its designated agency is entitled by virtue of subrogation to exercise the rights and assert the claims of those investors. The subrogated rights or claims shall not exceed the original rights or claims of such investors.

## ARTICLE 9

### Settlement of Disputes Between an Investor and a Contracting Party

(1) Any dispute between an investor of one Contracting Party and the other Contracting Party in relation to an investment of the former under this Agreement shall, as far as possible, be settled amicably through negotiations between the parties to the dispute.

(2) Any such dispute which has not been amicably settled within a period of six months may, if both Parties agree, be submitted:

(a) for resolution, in accordance with the law of the Contracting Party which has admitted the investment to that Contracting Party's competent judicial, arbitral or administrative bodies; or

(b) to international conciliation under the Conciliation Rules of the United Nations Commission on International Trade Law.

(3) Should the parties fail to agree on a dispute settlement procedure provided under paragraph (2) of this article or where a dispute is referred to conciliation but conciliation proceedings are terminated other than by signing of a settlement agreement, the dispute may be referred to Arbitration. The arbitration procedure shall be as follows:

(a) if the Contracting Party of the Investor and the other Contracting Party are both parties to the Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States, 1965 and the investor consents in writing to submit the dispute to the International Centre for the Settlement of Investment Disputes such a dispute shall be referred to the Centre; or

(b) if both parties to the dispute so agree, under the Additional Facility for the Administration of Conciliation, Arbitration and Fact-Finding Proceedings; or

(c) to an ad hoc arbitral tribunal by either party to the dispute in accordance with the Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law, 1976, subject to the following modifications:

(i) The appointing authority under Article 7 of the Rules shall be the President, the Vice-President or the next senior Judge of the International Court of Justice, who is not a national of either Contracting Party. The third arbitrator shall not be a national of either Contracting Party.

(ii) The parties shall appoint their respective arbitrators within two months.

(iii) The arbitral award shall be made in accordance with the provisions of this Agreement and shall be binding for the parties in dispute.

(iv) The arbitral tribunal shall state the basis of its decision and give reasons upon the request of either party.

#### ARTICLE 10

##### Disputes Between the Contracting Parties

(1) Disputes between the Contracting Parties concerning the interpretation or application of this Agreement should, as far as possible, be settled through negotiation.

(2) If a dispute between the Contracting Parties cannot thus be settled within six months from the time the dispute arose, it shall upon the request of either Contracting Party be submitted to an arbitral tribunal.

(3) Such an arbitral tribunal shall be constituted for each individual case in the following way. Within two months of the receipt of the request for arbitration, each Contracting Party shall appoint one member of the tribunal. Those two members shall then select a national of a third State who on approval by the two Contracting Parties shall be appointed Chairman of the tribunal. The Chairman shall be appointed within two months from the date of appointment of the other two members.

(4) If within the periods specified in paragraph (3) of this Article the necessary appointments have not been made, either Contracting Party may, in the absence of any other agreement, invite the President of the International Court of Justice to make any necessary appointments. If the President is a national of either Contracting Party or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice President shall be invited to make the necessary appointments. If the Vice President is a national of either Contracting Party or if he too is prevented from discharging the said function, the Member of the International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party shall be invited to make the necessary appointments.

(5) The arbitral tribunal shall reach its decision by a majority of votes. Such decisions shall be binding on both Contracting Parties. Each Contracting Party shall bear the cost of its own member of the tribunal and of its representation in the arbitral proceedings; the cost of the Chairman and the remaining costs shall be borne in equal parts by the Contracting Parties. The tribunal may, however, in its decision direct that a higher proportion of costs shall be borne by one of the two Contracting Parties, and this award shall be binding on both Contracting Parties. The tribunal shall determine its own procedures.

#### **ARTICLE 11**

##### **Entry and Sojourn of Personnel**

A Contracting Party shall, subject to its laws applicable from time to time relating to the entry and sojourn of non-citizens, permit natural persons of the other Contracting Party and personnel employed by companies of the other Contracting Party to enter and remain in its territory for the purpose of engaging in activities connected with investments.

#### **ARTICLE 12**

##### **Applicable Laws**

(1) Except as otherwise provided in this Agreement, all investment shall be governed by the laws in force in the territory of the Contracting Party in which such investments are made.

(2) Notwithstanding paragraph (1) of this Article nothing in this Agreement precludes the host Contracting Party from taking action for the protection of its essential security interests or in circumstances of extreme emergency in accordance with its laws normally and reasonably applied on a non discriminatory basis.

#### **ARTICLE 13**

##### **Application of other Rules**

If the provisions of law of either Contracting Party or obligations under international law existing at present or established hereafter between the Contracting Parties in addition to the present Agreement contain rules, whether general or specific, entitling investments by investors of the other Contracting Party to a treatment more favourable than is provided for by the present Agreement, such rules shall to the extent that they are more favourable prevail over the present Agreement.

#### ARTICLE 14

##### Entry into Force

This Agreement shall be subject to ratification and shall enter into force on the date of exchange of Instruments of Ratification.

#### ARTICLE 15

##### Duration and Termination

(1) This Agreement shall remain in force for a period of ten years and thereafter it shall be deemed to have been automatically extended unless either Contracting Party gives to the other Contracting Party a written notice of its intention to terminate the Agreement. The Agreement shall stand terminated one year from the date on receipt of such written notice.

(2) Notwithstanding termination of this Agreement pursuant to paragraph (1) of this Article, the Agreement shall continue to be effective for a further period of fifteen years from the date of its termination in respect of investments made or acquired before the date of termination of this Agreement.

In witness whereof the undersigned, duly authorised thereto by their respective Government, have signed this Agreement.

Done at New Delhi on this 8th day of March, 1987 in two originals each in the Vietnamese, Hindi and English languages, all texts being equally authoritative.

In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

For the Government of  
the Socialist Republic  
of Vietnam.

For the Government of  
the Republic of India



BỘ NGOẠI GIAO

Số : 79 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH

(Để thực hiện)

*Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 1999*

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO  
KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế  
Phó Vụ trưởng



*ĐHB*

Đỗ Hoà Bình

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo),
- Bộ Kế hoạch và DT,
- Bộ Tài chính,
- Bộ Thương mại,
- Bộ Tư pháp,
- Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ,
- Vụ Châu Á II,
- Vụ LPQT,
- Lưu trữ.

Ghi chú : *Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Cộng hoà Ấn Độ về khuyến khích và bảo hộ đầu tư bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 1999.*